TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/DS-PT
Ngày: 06/3/2020
V/v: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Long

Ông Nguyễn Văn Tào

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Phước Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2020/QĐ-PT ngày 30/01/2020, giữa các đương sự:

** Đồng nguyên đơn:*

1. Bà Lê Thị Lệ M. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn T. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 16/5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Bà Lê Thị Lệ M là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T. Bà Lê Thị Lệ M có mặt.

** Đồng bị đơn:*

1. Chị Y Lệ H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Phạm Sơn H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Ân Ngọc Bình T. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Chị Y Lệ H là người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Sơn H, ông Ân Ngọc Bình T. Chị Y Lệ H có đơn xin xét xử vắng mặt

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Y H1. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Chị Y Lệ H là người đại diện theo ủy quyền của chị Y H1;

2. Anh Nguyễn Ngọc L, Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Mỹ N, Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 16/5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Bà Lê Thị Lệ M là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Ngọc L, chị Nguyễn Thị Mỹ N. Bà Lê Thị Lệ M có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 02/6/2014, các Bản tự khai ngày 06/5/2014, ngày 02/3/2016 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Lệ M khai:

Vào năm 2008 gia đình Bà có mua một mảnh đất của ông Nguyễn Mạnh Đ. Đến năm 2009 gia đình bà được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri AG464394, thửa đất số 34b2, tại bản đồ số 18 với diện tích đất là 163,5m^2, mang tên Nguyễn Văn T và Lê Thị Lệ M, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đường liên thôn (đường Đ) rộng 5m

Phía Tây giáp đất hộ ông H rộng 5m.

Phía Nam giáp đất hộ anh Phạm Sơn H, đất chị Y H1 và đất hộ ông Phạm Văn H đang sử dụng dài 32,7m.

Phía Bắc giáp đất hộ ông Đ dài 32,7m.

Đến năm 2013 gia đình Bà có qua thăm lô đất trên thì thấy gia đình anh Phạm Sơn H và chị Y Lệ H xây công trình phụ lấn sang phần đất của gia đình Bà là 15cm, phần đất bị lấn chiếm có vị trí: Chiều dài tính từ phía đông giáp đường liên thôn (phần giáp ranh với hộ anh Phạm Sơn H) tới phần đất bị lấn là 16,7m và phần đất bị lấn chiếm đo được: Chiều dài là 4,7m và chiều rộng là 15cm. Phần đất của gia đình Bà bị lấn chiếm ở vị trí giáp ranh giữa đất của Bà với đất của chị Y H1 đã bán cho anh Ân Ngọc Bình T. Trong quá trình giải quyết vụ án Bà đã có đơn gửi Tòa án để xem xét đo đạc phần đất bị lấn chiếm. Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/7/2016, thì xác định vị trí tranh chấp đất có bị lệch với vị trí như Đơn khởi kiện đã nêu, nên Bà đã sửa đổi vị trí phần đất bị lấn chiếm là: Chiều dài tính từ phía Đông giáp đường liên thôn (phần giáp ranh với hộ anh Phạm Sơn H) tới phần đất bắt đầu bị lấn là 18,5m và tiếp tục đo

về hướng Tây chiều dài cạnh đất bị lấn chiếm đo được dài là 04m; đất có hình tam giác và chiều rộng cạnh đáy là 15cm (vị trí lấn đất nhiều nhất). Phần đất của gia đình Bà bị lấn chiếm ở vị trí giáp ranh giữa đất của Bà với phần đất mà anh H, chị H đang sử dụng, trên phần đất bị lấn chiếm là bức tường công trình nhà vệ sinh, nhà tắm do vợ chồng anh H, chị H xây dựng. Tổng diện tích bị lấn chiếm là 0,30 m^2. Hộ ông Nguyễn Mạnh Đ có một lô đất GCNQSDĐ vào sổ cấp số 00814 cấp ngày 02/10/2006 chiều rộng lô đất giáp đường đi thôn Đ là 10,7m, chiều rộng giáp đất ông Bình dài 10m. Hộ ông Đ tách chuyển nhượng cho gia đình Bà một lô có chiều dài là 32,7m, chiều rộng lô đất là 05m. Phần còn lại chuyển nhượng cho hộ ông Vương Văn Đ. Ranh giới giữa nhà bà M và nhà ông Đ được xác định là không có tranh chấp. Bà khởi kiện vợ chồng anh chị H, Huy từ tháng 01/2014 đến năm 2015 hộ ông Đ mới xây nhà như hiện trạng hiện nay, như vậy ý kiến của chị H là nhà ông Đ xây lấn đất nhà bà M là không có căn cứ. Đất nhà Bà nhận chuyển nhượng có hình chữ nhật, chiều rộng là 05 m, nhưng tại đoạn giữa của lô đất tại vị trí anh chị H, H xây công trình phụ thì chiều rộng đo từ tường nhà ông Đ sang chỉ còn 4,85m.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh chị Y Lệ H, Phạm Sơn H tháo dỡ phần tường nhà tắm, nhà vệ sinh có kích thước dài 04m, cao 3,75m, trả lại phần đất xây dựng lấn chiếm có tứ cận như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/7/2016 như sau:

Phía Đông tính từ mép đường đi thôn Đ đo trở vào theo hướng Đông sang Tây là 18,5m, dọc theo ranh giới hiện trạng đất của hộ anh chị Y Lê H, Phạm Sơn H đang sử dụng và lô đất của hộ gia đình bà M rộng: 0m (Không mét) điểm bắt đầu bị lấn chiếm.

Phía Tây giáp đất của gia đình bà M rộng: 0,15m, điểm bị lấn rộng nhất.

Phía Nam giáp đất của anh chị Y Lệ H, Phạm Sơn H đang sử dụng dài 04m.

Phía Bắc giáp đất của gia đình bà M dài 04m.

Ngoài ra, bà Lê Thị Lệ M không có yêu cầu nào khác.

- Tại các Bản tự khai ngày 03/3/2017, ngày 18/3/2016, ngày 19/9/2014 và ngày 16/4/2014 bị đơn chị Y Lệ H đồng thời là đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Sơn H, chị Y H1, anh Ân Ngọc Bình T trình bày:

Vào năm 2006 vợ chồng chị Y Lệ H được hộ em gái là Y H1 và bố, mẹ cho mảnh đất có diện tích là 340m^2, đến năm 2008 vợ chồng chị H được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp số H01011 ngày 08/5/2008 thửa đất số 68a, tờ bản đồ số 03, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đường liên thôn (đường Đ);

Phía Tây giáp đất hộ anh Ân Ngọc Bình T;

Phía Nam giáp đường bê tông (Đường C);

Phía Bắc giáp đất hộ ông bà Lê Thị Lệ M.

Vợ chồng chị H đã làm nhà trên thửa đất đó ổn định từ đó đến nay không có tranh chấp gì. Đến năm 2012 ông Ân U có mua của em gái chị H là Y H1 lô đất giáp với đất của gia đình vợ chồng chị H và cho con là anh Ân Ngọc Bình T. Năm 2013, anh Ân Ngọc Bình T góp với vợ chồng chị H ½ lô đất nói trên phần đất giáp với đất của vợ chồng bà H để mở quán cà phê, vợ chồng bà H có xây công trình phụ gồm nhà tắm và nhà vệ sinh trên phần đất mà anh Ân Ngọc Bình T đóng góp (phần công trình phụ tiếp giáp với đất của ông bà T, M) thì gia đình ông T bà M cho rằng vợ chồng bà H xây công trình phụ lấn sang phần đất của gia đình ông T, bà M và yêu cầu vợ chồng bà H trả lại phần đất đã bị lấn chiếm. Thực tế phần đất này là của bố mẹ chị H cho em gái chị H là Y H1 và đã bán lại cho ông Ân U, ông U cho Ân Ngọc Bình T, hiện tại anh T bán lại toàn bộ lô đất cho vợ chồng chị H (bl số: 271) nhưng đều chưa làm thủ tục chuyển nhượng mà chỉ có giấy tờ viết tay với nhau. Do vậy, vợ chồng chị H xây công trình phụ đúng với sơ đồ, hiện trạng quyền sử dụng đất đã được nhà nước cấp, vợ chồng chị H không lấn chiếm đất của bà M nên không chấp nhận tháo dỡ bức tường công trình phụ như đơn khởi kiện của nhà bà M.

- *Tại Bản tự khai ngày 27/8/2014 ông Ân Ngọc Bình T khai (BL số 48):* Vào năm 2012, ông T được bố là ông Ân U cho 01 lô đất ông đã mua của chị Y H1 ở thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Kon Tum (đất mặt đường C 10mx19m). Do hai gia đình có quan hệ quen biết nên thỏa thuận mua bán đất bằng miệng không có hợp đồng mua bán, một bên giao tiền còn bên kia giao bìa đỏ. Vì vậy sổ đỏ vẫn đang đứng tên chủ hộ là Y H1. Đến năm 2013 anh T có hợp tác với vợ chồng anh Phạm Sơn H và chị Y Lệ H xây dựng quán cà phê trên phần đất của ông T (5m x 19m) phía giáp với đất nhà anh H. Trong thời gian xây dựng anh T không có mặt tại hiện trường mà giao lại toàn bộ cho anh Phạm Sơn H thiết kế và xây dựng trên phần đất đó, trong quá trình hợp tác và giao đất cho anh Phạm Sơn H, giữa hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng. Đến tháng 3 năm 2014, anh T mới biết vợ chồng ông T, bà M kiện vợ chồng anh H và chị H xây dựng công trình phụ trên phần đất của ông T lấn sang đất nhà ông T bà M. Ngày 25/01/2016, anh T đã viết giấy sang nhượng toàn bộ lô đất có nguồn gốc mua của chị Y H1 cho vợ chồng anh H, chị H. Nay anh T đề nghị Tòa xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại các Bản khai ngày 03/3/2017, ngày 22/4/2016, ngày 19/9/2014 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Y H1 trình bày:* Vào năm 2000 chị Y H được bố là K và mẹ là bà YH tặng cho một miếng đất tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Kon Tum (đất của bố mẹ Y H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp số 00109 ngày 20 tháng 9 năm 2000). Đến ngày 17 tháng 01 năm 2003, chị Y H được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất vào sổ số 06572/QSDĐ/QĐ-UB, thửa đất số 68, tờ bản đồ số 03 với diện tích là 828m^2 đứng tên chủ sở hữu là Y H1. Sau khi trả công ông Xiêm đổ đất (từ đất ao, ruộng thành đất ở) bằng một số diện tích đất, phần diện tích đất còn lại đến ngày 02 tháng 5 năm 2008 của chị Y H có tách tặng cho gia đình anh chị H, Huy 340m^2 và đến ngày 26 tháng 11 năm 2008 chị Y H có chuyển nhượng cho ông Phạm Văn H 77,5m^2. Như vậy, số đất còn lại trong quyền sử dụng đất sau khi tặng cho và chuyển nhượng còn lại chiều rộng theo mặt đường C là 10m. Do không xác định ở lâu dài trên mảnh đất trên nên chị Y H có bán lô đất này cho gia đình em Ân Ngọc Bình T. Khi đó do có mối quan hệ thân thiết giữa hai nhà nên giữa hai gia đình không có làm hợp đồng sang nhượng mà chỉ giao dịch bằng miệng, hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên Y H. Phần đất này có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đất hộ anh Phạm Sơn H, dài hết phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Y H.

Phía Tây giáp đất hộ ông Phạm Văn H dài hết phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Y H.

Phía Nam giáp đường bê tông C dài 10m.

Phía Bắc giáp đất hộ (ông Đ) nay là đất hộ ông T, bà Lê Thị Lệ M.

Thực tế chị Y H không có quyền định đoạt mảnh đất trên và không liên quan gì đến việc ông bà T, M kiện anh chị H, H và Ân Ngọc Bình T xây công trình phụ lấn chiếm sang phần đất của ông bà T, M. Vì vậy, chị Y H yêu Tòa xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 37, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 95 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Lệ M.

Xử: Buộc bị đơn anh Phạm Sơn H, chị Y Lệ H phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Lệ M số tiền 210.000 *(Hai trăm mười nghìn)* đồng;

Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Lệ M; anh Phạm Sơn H, chị Y Lệ H được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động diện tích đất theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 22/11/2019, Nguyên đơn - bà Lê Thị Lệ M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị đơn phải trả lại cho Nguyên đơn diện tích đất bị lấn chiếm là 0,3m^2 chứ không phải trả bằng số tiền 210.000 đồng như quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của Nguyên đơn - bà Lê Thị Lệ M, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định về các nội dung kháng cáo như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của Nguyên đơn – bà Lê Thị Lệ M yêu cầu bị đơn phải trả lại cho Nguyên đơn diện tích đất bị lấn chiếm là 0,3m^2, không phải trả bằng số tiền 210.000 đồng là giá trị quyền sử dụng 0,30m^2 đất như quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm thì thấy:

[1.1]. Các bên đương sự đều thừa nhận, diện tích đất của Nguyên đơn mà bị đơn lấn chiếm theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 12/7/2016 được xác định hình dạng và diện tích như sau:

Phía Đông tính từ mép đường đi thôn Đông Thượng đo trở vào theo hướng Đông sang Tây tới điểm gãy theo Giấy chứng nhận dài 18,5 m là điểm bắt đầu đất bị lấn chiếm rộng 0m.

Phía Tây giáp đất của ông Nguyễn Văn T và Lê Thị Lệ M rộng 0,15m.

Phía Nam giáp đất của bà Y Lệ H và ông Phạm Sơn H đang sử dụng (ngoài GCNQSDĐ) dài 0,4m.

Phía Bắc giáp đất của ông Nguyễn Văn T và Lê Thị Lệ M dài 0,4m.

Diện tích đất tranh chấp có hình dạng là hình tam giác và có tổng diện tích là 0,30 m^2.

[1.2]. Trên ví trí đất tranh chấp có bức tường của công trình nhà vệ sinh, nhà tắm do vợ chồng ông H, bà H xây dựng. Tòa án tiến hành xem xét và định giá như sau: Tổng diện tích đất tranh chấp là 0,30 m^2. Theo biên bản định giá tài sản ngày 12/7/2016 xác định 700.000 đồng/ m^2, như vậy giá trị 0,30 m^2

là 210.000 đồng; bức tường nhà vệ sinh trên phần đất tranh chấp có giá trị là 8.979.150 đồng.

[1.3]. Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum nhận định: *"... bức tường công trình phụ nhà vệ sinh, nhà tắm của vợ chồng chị Y Lệ H, anh Phạm Sơn H xây dựng đã lấn chiếm sang phần đất của gia đình ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Lệ M có diện tích 0,30m^2"* đồng thời, Bản án sơ thẩm cũng nhận định: *" Tuy nhiên, thấy rằng diện tích đất tranh chấp quá nhỏ 0,30m^2 có giá trị = 210.000 đồng, trong khi đó giá trị bức tường công trình phụ nhà vệ sinh và nhà tắm của bị đơn có giá trị 8.979.150 đồng. Ngoài ra, việc buộc tháo dỡ bức tường trên sẽ làm ảnh hưởng tới toàn bộ kết cấu của công trình xây dựng. Do vậy, để giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật và đảm bảo sự ổn định chung cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên buộc bên lấn chiếm thanh toán giá trị bằng tiền cho bên bị lấn chiếm mà không cần phải tháo dỡ toàn bộ công trình trả lại đất lấn chiếm là phù hợp "* là có căn cứ, đúng thực tế đã được thẩm định tại biên bản thẩm định ngày 12/7/2016. Mặt khác, do diện tích bị lấn chiếm và xây bức tường có hình dạng tam giác nên việc tháo dỡ bức tường trong thực tế rất khó vì chiều rộng (bề dày) bức tường không nằm trọn trong diện tích đất bị lấn chiếm.

[2]. Từ những nhận định trên có căn cứ để khẳng định: Nguyên đơn – bà Lê Thị Lệ M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị đơn phải trả lại cho Nguyên đơn diện tích đất bị lấn chiếm là 0,3m^2 chứ không phải trả bằng số tiền 210.000 đồng như quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Do kháng cáo của Nguyên đơn - bà Lê Thị Lệ M không được chấp nhận nên phải chịu án dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí và Lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn - bà Lê Thị Lệ M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Áp dụng Điều 95 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Nguyên đơn - ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Lệ M.

Xử: Buộc đồng bị đơn anh Phạm Sơn H và chị Y Lệ H phải trả cho đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Lệ M số tiền 210.000 *(Hai trăm mười nghìn)* đồng;

2. Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Lệ M; anh Phạm Sơn H và chị Y Lệ H được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động diện tích đất theo đúng quy định của pháp luật.

3. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ về án phí và lệ phí Tòa án buộc: Bà Lê Thị Lệ M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số: 0002256 ngày 26/11/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum. Bà Lê Thị Lệ M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định về: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; án phí sơ thẩm và quy định về thi hành án; chậm thi hành án được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cục THA dân sự tỉnh Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến